



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Thạc sĩ Quản lý đất đai

(Ban hành kèm theo Quyết định 2859/QĐ-ĐHLN-ĐTSDH ngày 31/12/2019)

Mã số học phần			Khối lượng		
Phần chữ	Phần số	Tên học phần	Số TC	Lý thuyết	TH/TL
A. Kiến thức chung			6		
QDTH	501	Triết học	3	30	15
QDTA	502	Tiếng Anh	3	30	15
B. Kiến thức cơ sở			12		
I. Môn bắt buộc			8		
QDTD	503	Trắc địa nâng cao	2	22	8
QDVT	504	Ứng dụng CN Viễn thám và GPS trong quản lý đất đai	2	22	8
QDDG	505	Đánh giá đất đai cho phát triển	2	22	8
QDNC	506	Phương pháp NCKH trong quản lý đất đai	2	22	8
II. Môn tự chọn			4/10		
QDKT	507	Kinh tế tài nguyên đất	2	22	8
QDMT	508	Quản lý tài nguyên môi trường và phát triển bền vững	2	22	8
QDNN	509	Hệ thống nông nghiệp	2	22	8
QDLV	510	Quản lý lưu vực tổng hợp	2	22	8
QDAC	511	Tiếng Anh chuyên ngành	2	15	15
C. Kiến thức chuyên ngành			30		
I. Môn bắt buộc			20		
QDPL	512	Hệ thống pháp luật về quản lý đất đai			
QDQH	513	Quy hoạch sử dụng đất	2	22	8
QDDL	514	Hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai	2	22	8
QDDK	515	Hệ thống đăng ký đất đai hiện đại	2	22	8
QDTC	516	Tài chính đất đai	2	22	8
QDDS	517	Thị trường bất động sản nâng cao	2	22	8
QDTD	518	Định giá bất động sản nâng cao	2	22	8
QD TT	519	Thanh tra và kiểm soát sử dụng đất	2	22	8
QDCS	520	Phân tích chính sách đất đai	2	22	8
QDSE	521	Seminar			
II. Môn tự chọn			10/24		
QDNT	522	Quản lý quy hoạch nông thôn	2	22	8
QDDG	523	Quản lý địa giới hành chính	2	22	8
QDDT	524	Quy hoạch và quản lý đất đô thị	2	22	8
QDQP	525	Hệ thống quản lý đất đai phát triển	2	22	8
QDBV	526	Quản lý sử dụng đất nông nghiệp bền vững	2	22	8
QDPL	527	Phân loại và lập bản đồ đất	2	22	8
QDKG	528	Quy hoạch không gian	2	22	8
QDMT	529	Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản	2	22	8
QDDA	530	Quản lý dự án đầu tư bất động sản	2	22	8



Mã số học phần Tên học phần			Khối lượng		
			Số TC	Lý thuyết	TH/TL
QDKH	531	Khoa học quản lý và lãnh đạo trong quản lý đất đai	2	22	8
QDCQ	532	Quy hoạch sinh thái cảnh quan	2	22	8
QDPT	533	Ứng dụng phong thủy học trong quy hoạch sử dụng đất	2	22	8
D. Luận văn tốt nghiệp			12		
Tổng cộng			60		